

Số: 01/2024/QĐST-VHNGĐ

Lộc Hà, ngày 26 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 67, khoản 2 Điều 149, Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Bà Bùi Thị T, sinh ngày: 12/6/1982, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Ông Lê Đức H, sinh ngày: 15/01/1976, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm A (nay là thôn Q), xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 10 tháng 4 năm 2024 của bà Bùi Thị T và ông Lê Đức H có nội dung:

Ngày 12 tháng 02 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là huyện L), tỉnh Hà Tĩnh ông Lê Đức H và bà Bùi Thị T đăng ký kết hôn. Hôn nhân trên cơ sở tự do, tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian đầu, đời sống hôn nhân hạnh phúc và có 01 con chung. Năm 2009, bà H và ông T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có sự tôn trọng. Bà Bùi Thị T đã bỏ đi làm công nhân tại tỉnh

Bình Dương. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay và không còn sự quan tâm nhau, chăm sóc. Nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà Bùi Thị T và ông Lê Đức H yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Ông Lê Đức H và bà Bùi Thị T có 01 con chung là Lê Đức A, sinh ngày: 19/01/2008. Vợ chồng thống nhất thoả thuận giao con chung cho ông Lê Đức H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Bà Bùi Thị T và ông Lê Đức H thoả thuận, bà T cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Lê Đức A, sinh ngày: 19/01/2008) mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), phương thức cấp dưỡng: Bà T gửi tiền cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 05 hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi, trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới.

Quá trình sống chung ông Lê Đức H và bà Bùi Thị T không tạo lập được tài sản chung; không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2] Tại phiên hoà giải, các đương sự giữ nguyên yêu cầu. Toà án tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng không thành.

[3] Về lệ phí: Bà Bùi Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân gia đình và lệ phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

+ Bà Bùi Thị T, sinh ngày: 12/6/1982, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ông Lê Đức H, sinh ngày: 15/01/1976, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm A (nay là thôn Q), xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh

- Về con chung: Ông Lê Đức H và bà Bùi Thị T có 01 con chung là Lê Đức A, sinh ngày: 19/01/2008. Vợ chồng thống nhất thoả thuận giao con chung cho ông Lê Đức H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Bùi Thị T và ông Lê Đức H thoả thuận, bà T cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Lê Đức A, sinh ngày: 19/01/2008) mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), phương thức cấp dưỡng: Bà T gửi tiền cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 05 hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi, trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông Lê Đức H và bà Bùi Thị T không tạo lập được tài sản chung; không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Bà Bùi Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí Tòa án: Căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Bùi Thị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012466 ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Lộc Hà;
- Chi cục THADS huyện Lộc Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Nữ Ngọc Diệp

